

# Thái độ của tầng lớp sĩ phu phong kiến Việt Nam trước những tri thức khoa học – kỹ thuật phương Tây từ thế kỷ xvii đến nửa đầu thế kỷ XIX

Nguyễn Trọng Minh\*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

## TÓM TẮT

Trong giai đoạn từ thế kỷ XVII - đến nửa đầu thế kỷ XIX, giữa Việt Nam và các nước phương Tây diễn ra nhiều sự giao lưu, tiếp xúc qua lại với nhau, được giới học giả gọi là cuộc "giao lưu, tiếp xúc văn hóa Đông - Tây" ở Việt Nam lần thứ nhất. Thông qua cuộc "giao lưu, tiếp xúc văn hóa Đông - Tây", những tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây đã có điều kiện để du nhập vào nước ta. Với vai trò là những trí thức trong xã hội phong kiến, tầng lớp sĩ phu Việt Nam đã sớm có điều kiện tiếp xúc và làm quen với những tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây. Trong bối cảnh đứng trước sự "hội nhập quốc tế" trên lĩnh vực khoa học kỹ thuật, giới sĩ phu phong kiến Việt Nam đã suy nghĩ và hành động như thế nào? Những hệ quả đưa đến từ sự nhận thức và ứng xử của tầng lớp sĩ phu đối với những tri thức khoa học – kỹ thuật phương Tây sẽ tác động đến đất nước vào thời điểm đó ra sao? Bằng phương pháp lịch sử và logic cùng với phép so sánh, đối chiếu các tư liệu thu thập được, bài viết sẽ góp thêm một góc nhìn để tìm hiểu về thái độ của tầng lớp sĩ phu Việt Nam đối với nền khoa học kỹ thuật phương Tây. Từ đó sẽ giúp chúng ta làm rõ được nhiều vấn đề, trong đó có việc tại sao Việt Nam lại không thể tiếp biến và làm chủ thành công những tri thức của nền khoa học kỹ thuật phương Tây nhằm xây dựng và bảo vệ đất nước, để rồi sau đó phải nhận lấy những hậu quả nặng nề.

**Từ khóa:** Thái độ, sĩ phu, khoa học kỹ thuật, phương Tây

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Những thành tựu của các cuộc phát kiến địa lý ở châu Âu hồi thế kỷ XIV-XV đã đưa thế giới xích lại gần nhau hơn. Từ những kết quả phát kiến địa lý, các nước phương Tây đã nhanh chóng vươn mình ra khắp thế giới, chủ động tìm đến những vùng đất mới, giàu có về tài nguyên và khoáng sản. Trong hành trình đó, Việt Nam là một điểm đến lý tưởng của chủ nghĩa tư bản phương Tây. Từ đây, các quốc gia phương Đông, phương Tây diễn ra sự giao lưu, tiếp xúc ở nhiều lĩnh vực, trong đó phải kể đến lĩnh vực khoa học – kỹ thuật. Ở Việt Nam, nhiều nhà nghiên cứu gọi đó là "cuộc tiếp xúc văn hóa Đông - Tây" lần thứ I, tương ứng với khoảng thời gian từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX. Với sự phát triển của hệ thống khoa cử phong kiến, tầng lớp sĩ phu Việt Nam thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX ngày càng được mở rộng về mặt số lượng. Với tư cách là những trí thức trong xã hội phong kiến, tầng lớp sĩ phu Việt Nam giai đoạn này đã sớm có điều kiện để tiếp cận với những tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây. Họ thường thuộc giới cầm quyền hoặc những nho sĩ làm quan trong triều, bộ phận sĩ phu sống ở làng quê, ẩn mình trong dân chúng

thường không có điều kiện để tiếp xúc với những tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây.

## NỘI DUNG

### Thái độ của sĩ phu Việt Nam trước những tri thức khoa học – kỹ thuật phương Tây từ thế kỷ XVII - XVIII

Các quốc gia phương Đông đứng trước những chuyển biến vô cùng lớn lao kể từ khi phương Tây tiến hành các cuộc phát kiến về địa lý. Việt Nam lúc này cũng không phải là một ngoại lệ. Trong bối cảnh đất nước bị chia cắt làm hai Đàng, cả Đàng Trong và Đàng Ngoài đều chấp nhận con đường mở cửa và hội nhập, chủ động tham gia vào các cuộc tiếp xúc với phương Tây. Thông qua các giáo sĩ thừa sai và các thương nhân châu Âu, những tri thức khoa học kỹ thuật từ phương Tây đã được du nhập vào cả hai Đàng.

Ở Đàng Ngoài, các giáo sĩ thừa sai đã chủ động dâng lên Chúa Trịnh những vật phẩm, đồng thời giảng giải những kiến thức về khoa học kỹ thuật phương Tây, nhằm tạo lòng tin và giành lấy sự ủng hộ của các Chúa cho hoạt động truyền đạo của mình. Một số chúa Trịnh, nổi bật nhất là chúa Trịnh Tráng đã dành sự

Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### Liên hệ

Nguyễn Trọng Minh, Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Email: trongminhussh@gmail.com

### Lịch sử

- Ngày nhận: 27/9/2020
- Ngày chấp nhận: 15/7/2021
- Ngày đăng: 16/8/2021

DOI: 10.32508/stdjssh.v5i3.694



### Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



**Trích dẫn bài báo này:** Minh N T. Thái độ của tầng lớp sĩ phu phong kiến Việt Nam trước những tri thức khoa học – kỹ thuật phương Tây từ thế kỷ xvii đến nửa đầu thế kỷ xix. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.*; 5(3):1130-1138.

quan tâm nhất định đến những tri thức khoa học kỹ thuật của phương Tây. Năm 1627, giáo sĩ Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ) đã mang biểu chúa Trịnh chiếc đồng hồ chạy bằng bánh xe và cuốn *Kỷ hà nguyên bản* (tức tác phẩm hình học vĩ đại Elements) của nhà toán học Euclide (do cha Ricci cùng người cộng tác Trung Hoa dịch), đồng thời cắt nghĩa về cuốn sách cho chúa Trịnh được hiểu. Trước đó một năm, giáo sĩ Badinoti (người Ý) cũng được vời về phủ chúa ở Thăng Long để giảng giải cho chúa những kiến thức về thiên văn, địa lý và toán học<sup>1</sup>. Tuy nhiên, sự quan tâm mà các chúa Trịnh dành cho tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây chỉ dừng lại ở mức độ hiểu kỳ chứ không triển khai áp dụng nó vào cuộc sống.

Đối với Đàng Trong, các chúa Nguyễn bên cạnh việc chấp nhận sự hiện diện của các thừa sai dòng Tên trên vùng đất của mình để có được súng đạn giống như chúa Trịnh, chúa Nguyễn còn sử dụng các thừa sai vào các việc khác. Năm 1686, hay tin thừa sai Bartholoméo da Costa – người từng là bác sĩ của chúa đang chuẩn bị trở về châu Âu từ Macao, chúa Hiền đã lệnh cho ông phải quay trở lại Đàng Trong để tiếp tục chăm sóc sức khỏe cho chúa. Chúa Nguyễn Phúc Chu đã dùng các thừa sai là Antonio de Arnedo (năm 1704) và De Lima (năm 1724) để dạy ông toán và thiên văn học. Năm 1752, chúa Nguyễn Phúc Khoát lại sử dụng thừa sai Xavier de Moterio là để làm thầy dạy toán cho mình và dùng thừa sai Jean de Loureira làm bác sĩ riêng cho mình. Điều đó cũng cho thấy rằng các chúa Nguyễn cũng đã phần có sự lưu tâm đến những tri thức khoa học kỹ thuật từ người phương Tây và bước đầu cho triển khai và áp dụng chúng vào Đàng Trong, tuy nhiên thái độ còn có sự dè dặt nhất định và những hành động trên còn chưa phổ biến, chỉ phục vụ cho nhu cầu cá nhân của các chúa mà thôi.

Trong giới sĩ phu Việt Nam giai đoạn thế kỷ XVII - XVIII, Lê Quý Đôn có lẽ là học giả đầu tiên thể hiện sự hứng thú với những tri thức khoa học phương Tây. Từng được cử đi sứ đến Trung Quốc, Lê Quý Đôn đã đọc qua các thư tịch và tri thức tự nhiên của phương Tây do các giáo sĩ Thiên Chúa truyền bá vào Trung Quốc hồi thế kỷ XVII - XVIII, như Ricci Matteo (1552-1610), Aleni, P.Julin (1582-1649); Verbiest Ferdinasu (1623-1688). Trong tác phẩm *Vân Đài luận ngữ*, Lê Quý Đôn đã thể hiện sự tò mò và hiếu kỳ khi được tiếp cận với những tri thức khoa học phương Tây dù chỉ bằng cách gián tiếp qua các sách vở, tài liệu của Trung Quốc.

Lê Quý Đôn là người đầu tiên ở nước ta trình bày và giới thiệu những kiến thức của nền địa lý học phương Tây. Ông chấp nhận được những kiến thức mới như quả đất tròn, trái đất - mặt trời - mặt trăng chuyển động quanh nhau, đường kính trái đất, xích đạo, hai

cực trái đất, kinh tuyến, vĩ tuyến,... của phương Tây đưa ra mà không xem đó là “dị đoan” hay “tà thuyết”. Bên cạnh địa lý học, Lê Quý Đôn cũng dành sự quan tâm tìm hiểu đến lĩnh vực lịch pháp học và thiên văn học của người Tây phương. Đối với lịch pháp học, ông mô tả: “Phép làm lịch của người Tây Dương cũng lấy số 360 làm độ chu thiên, có 96 khắc làm một ngày, khiến cho mỗi giờ đều tám khắc, không có số lẻ, để tiện suy tính, phép ấy rất là giản tât” [2, tr.84]. Đối với thiên văn học, Lê Quý Đôn quan tâm đến các hành tinh trong vũ trụ: “Mặt trời to hơn đất, đất to hơn mặt trăng; chỗ đất cao nhất có cửa. Mặt trời, mặt trăng đi đến chỗ cửa ấy thì bị che mất ánh sáng mà bị ăn. Vị trí sao ngũ tinh (ngũ hành) cao thấp không đều nhau: Hỏa tinh ở cao nhất, thủy tinh ở thấp nhất, còn Kim tinh, Mộc tinh, Thổ tinh vị trí so le nhau ở khoảng giữa. Thế cho nên hành độ chu thiên (vòng quanh trời) có chậm và chóng khác nhau” [2, tr.177].

Bên cạnh những tri thức khoa học phương Tây, Lê Quý Đôn cũng dành sự ngợi khen cho nền kỹ thuật phương Tây khi đã tạo ra được những đồ vật rất tinh xảo: “Ở các nước Tây Dương, họ làm ra được chuông tự minh (tức đồng hồ báo thức), Hồn thiên nghi (tức quả thiên cầu, có ghi độ số các sao để xem thiên văn), tượng thiên xích (thước đo trên không), câu cổ pháp (phép tính đo tam giác lượng), phép đo lường thời gian, phép xem bóng mặt trời, xem sao” [2, tr.180].

Như nhiều sĩ phu Việt Nam đương thời, Lê Quý Đôn ít nhiều vẫn bị chi phối bởi tư tưởng “nội Hạ ngoại Di”, nhưng với sự khát khao hiểu biết và với cách làm việc khách quan khoa học, ông đã vượt khỏi một số hạn chế của phương Đông để bước đầu có những tìm hiểu, khảo cứu về những tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây mà mình được tiếp xúc. Lê Quý Đôn cũng tỏ thái độ cầu tiến và khuyến khích việc học tập, tiếp nhận những tri thức phương Tây để làm bổ khuyết cho những gì mà nền học thuật phương Đông còn thiếu.

Dẫu đã được tiếp xúc với những tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây và đã xuất hiện những nhân vật “cấp tiến” như Lê Quý Đôn, giới sĩ phu cũng như chính quyền hai Đàng nhìn chung vẫn không xem những tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây là mối quan tâm thường xuyên và dành cho nó một vị trí xác đáng. Tư duy và thái độ của họ vẫn còn nằm trong một khuôn khổ truyền thống, chưa có sự bức phá nhằm thoát ra khỏi khủng hoảng và lạc hậu.

Đến cuối thế kỷ XVIII, cuộc nội chiến giữa Nguyễn Ánh với nhà Tây Sơn diễn ra ngày càng quyết liệt. Cuộc nội chiến này diễn ra trong bối cảnh các nước Tư bản phương Tây đang tìm cách gia tăng sự hiện diện và sức ảnh hưởng ở các quốc gia phương Đông, trong đó có Việt Nam. Để gia tăng sức mạnh cho lực

lượng của mình, Nguyễn Ánh đã chủ động tiếp nhận những ảnh hưởng từ phương Tây. Khác với nhiều nhà lãnh đạo ở phương Đông lúc bấy giờ, Nguyễn Ánh tỏ ra rất quan tâm, chịu khó học tập và áp dụng những tri thức khoa học, kỹ thuật phương Tây. Giám mục Pigneau de Béhaine đã dịch nhiều đoạn của bộ bách khoa toàn thư Pháp (Encyclopédie) sang chữ Hán cho Nguyễn Ánh đọc. Trong hành trình buôn tầu và gây dựng lực lượng, Nguyễn Ánh đã chấp nhận sự có mặt của những người ngoại quốc (những sĩ quan người Pháp do Pigneau de Béhaine tuyển mộ trong quân đội của mình). Từ đó, ông đã nhận được sự hỗ trợ đắc lực từ những người Pháp đi theo giúp mình. Họ đã trực tiếp tham gia hỗ trợ và chuyển giao những kỹ thuật quân sự phương Tây cho quân đội của Nguyễn Ánh. Nếu so chúa Trịnh và chúa Nguyễn trước đó, mức độ hiểu biết, tiếp thu và áp dụng những tri thức khoa học, kỹ thuật phương Tây của Nguyễn Ánh là vượt trội hơn hẳn dù cho nó chỉ chủ yếu diễn ra trên lĩnh vực quân sự. Thái độ của Nguyễn Ánh đối với những tri thức khoa học, kỹ thuật phương Tây cũng là cầu thị và cởi mở hơn hầu hết những vua chúa trước đó, từ đó giúp Nguyễn Ánh cần đến sự trợ giúp của những tri thức khoa học, kỹ thuật phương Tây trên lĩnh vực quân sự nhằm tăng cường sức mạnh để đương đầu với nhà Tây Sơn. Đây cũng chính là tiền đề then chốt đưa đến những chuyển biến quan trọng trong việc tiếp thu và áp dụng những tri thức khoa học, kỹ thuật phương Tây ở Việt Nam về sau.

### **Thái độ của sĩ phu Việt Nam trước những tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây hồi nửa đầu thế kỷ XIX**

Sau khi lên ngôi, vua Gia Long với những kinh nghiệm tiếp xúc với phương Tây trước đó đã từng bước định hình và khởi sự cho quá trình “hiện đại hóa” đất nước bằng việc tiếp thu và áp dụng những tri thức khoa học, kỹ thuật phương Tây ở tầm quốc gia, dưới sự dẫn dắt và quản lý của nhà nước. Sang đến thời Minh Mạng, vốn không được tiếp xúc trực tiếp với Tây phương nhiều như người cha của mình, tuy nhiên với tinh thần ham học hỏi, chuộng tri thức tiến bộ nên vua Minh Mạng đã dày công nghiên cứu các sách vở của phương Tây, dùng nhiều cách khác nhau để thu thập các đồ vật, dụng cụ của phương Tây mang về tìm hiểu và chế tạo. Minh chứng tiêu biểu cho điều này là việc để nước Đại Nam có thể sản xuất được tàu máy hơi nước (một thành tựu khoa học tiên tiến của phương Tây lúc bấy giờ), Minh Mạng đã không ngần ngại chi ra những khoản tiền lớn mua tàu về làm mẫu cho thợ học tập với nguyện vọng tha thiết: “Trẫm muốn những người làm thợ nước ta đều học tập máy

móc được tinh xảo, cho nên không tính đến sự tốn phí” [3, tr.586]. Nhờ đó, nước Đại Nam đã thành công trong việc chế tạo được những chiến thuyền theo kiểu châu Âu mà chỉ dùng toàn những người thợ bản xứ. Tinh thần đó đã có sức lan tỏa đến nhiều sĩ phu nước nhà, nhất là những người có điều kiện xuất dương ra nước ngoài.

Việt Nam trong những thập niên đầu thế kỷ XIX, các vua triều Nguyễn đã nhiều lần cử các sứ đoàn xuất ngoại tới một số quốc gia và vùng hải đảo ở khu vực châu Á như Tân Gia Ba (tức Singapore), Giang Lưu Ba (tức Batavia, nay là Jakarta, Indonesia), Tiểu Tây Dương (tức khu vực bán đảo Ấn Độ)... Đó đều là những nơi mà người phương Tây đang cai trị hoặc có ảnh hưởng lớn. Bên cạnh hoạt động thương mại, các sứ đoàn còn có nhiệm vụ tìm hiểu về một thế giới mới bên ngoài Việt Nam và Trung Hoa, đó chính là phương Tây. Thành viên trong các sứ đoàn đa phần là những quan chức cao cấp trong triều như Lý Văn Phúc, Phan Huy Chú, Trần Tú Dĩnh, Đào Trí Phú, Cao Bá Quát...

Các sĩ phu Việt Nam như Lý Văn Phúc, Phan Huy Chú lần đầu tận mắt chứng kiến về thế giới Tây phương đã không khỏi sửng sốt, giật mình. Từ đó, họ tỏ ra hiếu kỳ với những thứ mình được tiếp xúc, ghi chép chúng lại thật tỉ mỉ nhằm thỏa trí tò mò và tinh thần ham học hỏi của mình như Lý Văn Phúc đã viết trong lời tựa của tác phẩm *Tây hành kiến văn ký lược*: “Những khác biệt... ở địa phương nước ấy tuy không thể tường tận hết, nhưng những gì tận mắt trông thấy hay hỏi han được đều chẳng quản sự dốt nát mà thu thập lại, phân ra theo từng môn loại để ghi chép thành tập sách, nhan đề là *Tây hành kiến văn ký lược*” [4, tr.718].

Điểm đầu tiên thu hút sự chú ý của các nhà nho ở phương Tây là con người và cuộc sống của họ. Lý Văn Phúc và Phan Huy Chú đã miêu tả về ngoài của họ với thái độ lạ lẫm. Trong *Tây hành kiến văn ký lược*, Lý Văn Phúc miêu tả: “Người nước (Hồng Mao) ấy phần nhiều cao lớn, mũi to, tóc đỏ, mắt sâu và đục, nhưng da dẻ trắng lấm” [5, tr.96]. Còn Phan Huy Chú trong *Hải trình chí lược* đã viết: “Về y phục, họ coi trọng màu trắng, mặc áo ngắn, quần dài, đều bó sát người. Mũ và giày đều màu đen, trông cũng chỉnh tề, đẹp đẽ. Đại để, y phục của người phương Tây đều giống của người Hồng Mao và Hòa Lang” [6, tr.835]. Tiếp đến, các phương tiện giao thông, phố xá, nhà cửa, các công trình kiến trúc công cộng, vườn hoa... được tổ chức và xây dựng theo lối Tây phương đã khiến các sĩ phu nước ta phải trầm trồ. Phan Huy Chú mô tả Giang Lưu Ba: “nhà ngôi chen chúc ước tới vài mươi dặm”, những ngôi nhà lầu có cửa kính ven sông, “hàng hóa la liệt”, “xe ngựa như nước chảy”, và ông nhận xét: “Đại khái sự phồn vinh hoa lệ và cảnh sắc tươi đẹp có thể

sánh ngang Ngô Châu ở Trung Quốc, còn về quy mô rộng rãi sáng sủa thì lại hơn hẳn” [6, tr.840]. Bên cạnh những yếu tố trên, những thành tựu của nền khoa học kỹ thuật phương Tây cũng gây ấn tượng mạnh với các sĩ phu nước ta. Phan Huy Chú cho biết người phương Tây có cách “lượng cung độ của trời để đo khoảng cách trên biển và chia mặt biển thành “độ” để định xa gần”, phép đi biển của họ thì “xưa nay người ta vẫn thường ca ngợi Tây Dương có những nhà thông thái tính toán giỏi, không ai sánh kịp” [7, tr.165]. Theo Phan Huy Chú, khoa thiên văn, địa lý của người phương Tây rất tiến bộ và đã vượt qua Trung Quốc: “Lì Mã Đậ (Matteo Ricci) năm Sùng Trinh (thế kỷ XVII) đã vào Trung Quốc sửa đổi lịch pháp, viết ra sách *Khôn dư đồ thuyết* và vẽ ra bản đồ thiên cầu và địa cầu mà đến nay người Trung Hoa vẫn theo. Đó là một người “kiến thức trác việt, lời bàn kỳ lạ, vượt hẳn xưa nay” [7, tr.165]. Ngoài lĩnh vực thiên văn - địa lý, Phan Huy Chú còn dành sự quan tâm đến những chiếc tàu máy hơi nước. Ông đã miêu tả tàu thủy chạy bằng máy hơi nước của Tây phương như sau: “Tàu chạy bằng hơi nước của họ quy cách rất lạ. Ở trong có một lò sắt đốt than tạo nên ngọn lửa bên trong. Lại có cái ống nằm ngang hướng ra biển để lấy nước ở ngoài vào. Một khi máy thuyền chuyển động thì lò than cháy lên, lửa bốc truyền vào ống chứa nước ở trong, hút nước làm chuyển vận bên ngoài, bánh xe cuốn sóng đẩy thuyền đi như bay... Còn như máy móc kỳ diệu thì không thể nào biết hết được. Hỏi người Tây dương thì tàu này do người Ma Li Căn (Mỹ) chế tạo, các nước khác cũng tuân theo cách thức ấy và ngày nay đã thành phổ biến ở Thái Tây rồi” [6, tr.844]. Khi bàn về máy cửa gỗ, Phan Huy Chú đã tìm hiểu kỹ về cách thức hoạt động cũng như nguyên lý chế tạo máy, ông viết: “Phép chế như sau. Trước hết người ta đào một con kênh ở bờ sông, cho nước chảy vào. Dựng một cái đình vuông cao hai tầng ở bên sông, cạnh đó đặt một bánh xe chắn dòng nước chảy vào kênh. Tầng trên của đình có bánh xe tròn hình tán lọng, cao và chắc. Bên dưới đặt một trục hình tròn xuyên ngang qua. Hai đầu có cột gỗ xuyên qua, làm thành trung tâm chuyển động. Tầng dưới lại đặt một bánh xe đối nhau với bánh xe ở ngoài và chia gần hai giá cửa lớn ở hai bên phải và trái, mỗi cửa có 8 lưỡi cửa sắt, đều phải ăn khớp với trục ở tầng trên. Dưới cửa đặt những cây gỗ to kéo bằng móc sắt. Khi mở máy, xe nước chảy thì bánh xe tròn hình tán lọng và trục tròn xoay chuyển ở tầng trên. Hai bánh xe tròn ở trong và ngoài cũng quay ở tầng dưới và giá cửa lên xuống. Cửa nghiêng vào gỗ và mạch cửa tự mở ra. Ván gỗ theo móc câu đẩy lên dần. Không mất sức người đẩy kéo mà trong chốc lát, hai cây gỗ bị xẻ làm 8 tấm ván. Nước chảy thì gỗ bị xẻ, thực là đoạt được cái khéo

léo của tạo hoá, mà giảm được sự khó khăn vất vả cho nhân công vận chuyển” [6, tr.845].

Trước những gì được tận mắt chứng kiến về chiếc máy cửa gỗ, Phan Huy Chú đã dành cho nền kỹ nghệ Tây phương sự ngợi khen và thán phục: “Kể đầu tiên làm ra máy này là thuộc bậc Thánh trí vậy” [6, tr.845]. Ông tỏ ra rất kính phục những máy móc, đồ dùng của nền công nghiệp Hà Lan và phương Tây: “Bánh xe nhỏ nên dễ di chuyển, khi xe vòng lượn khó bị lật đổ. Hai con ngựa kéo phía trước chạy như bay... Đồ dùng của Hoà Lang đại khái đều tinh xảo, ví như đồng hồ và tàu chạy bằng hơi nước đều gần như đoạt cái khéo léo của tạo hoá. Máy móc bên trong tinh vi, bí mật khó hình dung được” [6, tr.845].

Lý Văn Phúc cũng có những nhận xét tương tự như Phan Huy Chú, ông đã vô cùng kinh ngạc trước nền khoa học, công nghệ phương Tây: “Lại có máy bơm nước... Khi đốt lò thì lửa chạy vòng quanh trong ống, máy sẽ lập tức chuyển động như bay, nước trong âu tự phóng lên trên không thể ngăn cản nổi. Còn những dây dợ dọc ngang trong máy cùng những kỹ xảo tinh vi của nó thì không có tai mắt nào có thể biết hết được” [8, tr.784]. Đối với những lĩnh vực kỹ nghệ khác, theo Lý Văn Phúc thì “Kỹ thuật chế tạo (của người phương Tây) đều rất tinh xảo, nhất là thuyền máy... thuyền có thể tiến lùi hoàn toàn nhờ vào sức người vậy” [8, tr.784]. Trong con mắt của một sĩ phu tới đến từ một nền văn minh thuần về nông nghiệp, những tri thức kỹ thuật phương Tây mà ông được tiếp xúc thật đã vượt ra khỏi sức hình dung, vượt lên trên quyền năng của tạo hóa: “Người Hồng Mao thường nói rằng trăm sự đều có thể làm, duy chỉ có sự sống và cái chết thì không tài khéo nào làm ra được” [8, tr.785].

Sau Lý Văn Phúc và Phan Huy Chú, Cao Bá Quát cũng nằm trong số không nhiều những sĩ phu Việt Nam có dịp đi công cán đến các xứ đang chịu sự cai quản của phương Tây. Tháng 12/1844, Cao Bá Quát theo Đào Trí Phú (trưởng đoàn) đáp thuyền Phấn Bàng đi “dương trình hiệu lực” (tức đi phục dịch để lấy công chuộc tội) đến vùng Hạ Châu - Tân Gia Ba (Singapore). Không có những ghi chép và khảo cứu rõ nét và cụ thể về những tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây như Phan Huy Chú hay Lý Văn Phúc, Cao Bá Quát chỉ thể hiện ấn tượng mạnh mẽ về những thành tựu của nền văn minh kỹ thuật Âu châu qua những tác phẩm thơ văn được ông sáng tác trong thời gian được cử đi xuất dương. Cao Bá Quát đã mô tả kỹ lưỡng về tàu máy hơi nước trong bài “*Hồng mao hòa thuyền ca*”. Sau nhiều ngày tháng lênh đênh trên mặt biển bằng chiếc thuyền buồm (thuyền Phấn Bàng), khi được tận mắt chứng kiến chiếc tàu máy hơi nước di chuyển, Cao Bá Quát đã thực sự kinh ngạc và hứng thú về nó:



“Cao yên quán thanh không / (Luồng khói bốc lên không)

Tà tác bách xích đôi / (Cao trăm thước sừng sừng)

Yêu kiều thủy thiên long / (Ngõn ngoèo như rồng sa)

Cương phong xuy bất khai / (Gió thổi mạnh vẫn đứng)”<sup>9</sup>

Khi chiếc tàu được lại gắn với chiếc tàu hơi nước, Cao Bá Quát miêu tả con tàu kinh dị này khá chi tiết:

“Nguy tường ngật lập ngũ lạng tinh / (Cột tàu chót vót, quay gió lạng)

Tu đồng trung tri phú tác yên thời ngói / (Ổng khói đứng giữa nhà mây lưng trời cao)

Hạ hữu song luân triển chuyển đập cấp lạng / (Dưới có hai guồng xoay chuyển đập ngọn sóng)

Luân phiên lạng phá ân kỳ sinh nộ lôi / (Guồng quay, sóng vỗ âm âm như sấm gào)”

Hữu thi hoành hành đảo tẩu tạt bốn mã / (Có lúc chạy ngang, giạt lùi, nhanh hơn ngựa).

Vô phạm, vô lỗ, vô nhân thời / (Không buồm, không lái, không người chèo)

Long Nha, Xích Khảm bách lý ngoại / (Long Nha, Xích Khảm ngoài trăm dặm)

Đàn chỉ tảo khuốc kinh lan hồi / (Phút chốc đê sóng, đến nhẹ vèo)”<sup>9</sup>

Với Cao Bá Quát, việc làm chủ một con tàu thần kỳ như thế, nền khoa học kỹ thuật của Âu Tây thật đáng nể. Cao Bá Quát cũng ngạc nhiên, sửng sốt khi được thương gia người Hoa là Hoàng Liên Phương cho xem thử chiếc kính viễn vọng do người Tây phương chế tạo. Qua trải nghiệm này, Cao Bá Quát hiểu rằng người Tây phương đã biến huyền thoại “thiên lý nhân” thành hiện thực [10, tr.104].

Sau những chuyến được xuất dương “Tây hành”, hầu hết các sĩ phu đều có sự chuyển biến trong nhận thức, mong muốn đem những tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây mà mình tìm hiểu được về áp dụng cho đất nước như tự sự của Lý Văn Phức trong bài Tựa cho sách *Bản quốc sử ký lược biên*: “Phàm người dân nước ta có con em giỏi giang thì trước hết nên dạy cho biết lịch sử nước Nam... rồi mở rộng bằng lịch sử các nước Âu Mỹ để có được trí tuệ tốt bậc và kỹ xảo kỳ lạ của họ. Xem xét thắng bại, tốt xấu, cân nhắc sở đoán, sở trường của người và ta, mưu đồ công cuộc cải lương cho xã hội, thuận theo xu thế của thời vận để chuyển nghèo thành giàu, đổi yếu thành mạnh... ngày khác sẽ vươn lên sôi động mãnh liệt, đẹp đẽ như gấm như hoa khiến lịch sử duy tân của đế quốc Việt Nam xuất hiện trong giáo giới toàn cầu, đó đều do đồng bào nước ta ấp ủ mà tổ chức nên vậy” [11, tr.246]. Những ghi chép của các sĩ phu “Tây hành” xuất dương thường được trình lên nhà vua, trở thành những tư liệu nghiên cứu hữu ích, thúc đẩy nhà cầm quyền tiếp nhận và áp dụng một số những tri thức về

khoa học, kỹ thuật của phương Tây nhằm nâng cao tiềm lực của đất nước.

Trong các vua triều Nguyễn cầm quyền giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX, vua Minh Mạng là người tỏ ra quan tâm và sốt sắng nhất trong việc triển khai áp dụng các tri thức về khoa học, kỹ thuật của phương Tây ở nước ta. Vua Minh Mạng đã nghiên cứu nhiều sách vở của phương Tây cùng những trước tác do các sĩ phu xuất dương “Tây hành” dâng lên, khuyến khích triều thần cùng tham gia với mình. Theo lệnh ông, thượng thư Bộ binh Trương Đăng Quế đã đọc và nghiên cứu các sách và bản đồ thủy chiến của phương Tây để soạn thành sách *Thủy chiến tiên cơ quyết quyết thắng* [12, tr.941], bộ binh pháp đầu tiên được viết theo kiểu phương Tây ở nước ta. Vào năm 1837, 1838, theo kiểu mẫu phương Tây, nhà Nguyễn đã chế tạo được máy cửa gỗ và xẻ gỗ bằng sức nước, máy hút nước tưới ruộng và còn có cả xe cứu hỏa. Đặc biệt là vào năm 1839, dựa trên các kiểu mẫu phương Tây, các đốc công Hoàng Văn Lịch, Vũ Huy Trinh cùng các thợ của ông đã đóng thành công chiếc tàu máy hơi nước đầu tiên, được vua Minh Mạng hết sức khen ngợi [3, tr.486]. Những thành tựu trên cũng chính là những vấn đề đã được các sĩ phu quan tâm tìm hiểu và đề cập đến trong các trước tác viết về những chuyến xuất dương “Tây hành” của mình. Những thành tựu đó tất nhiên có được qua quá trình tìm học, nghiên cứu, thử nghiệm lâu dài nhưng ý tưởng ban đầu hẳn không thể không khởi nguồn từ những quan sát, ghi chép về Tây phương trong những trước tác của giới sĩ phu nước nhà.

Tuy nhiên, dù có cái nhìn khá cởi mở với tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây, các sĩ phu Việt Nam hồi nửa đầu thế kỷ XIX vẫn không thoát khỏi vấn đề “thế giới quan”. Thế giới quan của Nho giáo đã trở thành cái khung cứng nhắc được duy trì từ đời này qua đời khác mà các sĩ phu vẫn dùng nó để đánh giá hiện thực. Khi hiện thực vẫn còn nằm trong khuôn khổ “trật tự phong kiến” thì sự đánh giá đó cũng không đến nỗi sai lầm nghiêm trọng, mặc dù điều đó đã không phản ánh đúng khả năng phát triển của thời thế. Nhưng khi hiện thực ấy đã vượt ra khỏi khuôn khổ “trật tự phong kiến”, khi nó đã thay đổi dưới sự tác động của phương Tây thì cách đánh giá, tiếp cận thời thế của giới sĩ phu vẫn chưa có sự chuyển biến.

Trường hợp của Lý Văn Phức là một ví dụ tiêu biểu. Khi có điều kiện xuất dương “Tây hành”, những tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây về tàu máy hơi nước, máy dẫn thủy, kính thiên văn, cột thu lôi,... đều là những cái có sức hấp dẫn đối với ông. Tuy nhiên, khi bàn về cột thu lôi, Lý Văn Phức lại giải thích: “Thường thấy dọc đường và trên nóc nhà của họ, có dựng một cái roi bằng sắt, chu vi một tấc, cao

chừng vài mươi thước. Hỏi thì nói rằng đó là một thứ sắt đã chế luyện theo phép dùng để thu hút sắt. Xứ này nhiều gió và sắt. Mỗi khi có sét thì nhà nào có roi sắt này sẽ bị hút vào đó và mắc chặt không nổ ra được, do đó tránh được hại. Hỏi kỹ về cái phép ấy thì không ai chịu chỉ rõ mà họ chỉ nói rằng cây sắt này là chế tạo từ bên tổ quốc của họ mà đem sang. Lại đem hỏi người Đường (người Trung Quốc), thì họ nói rằng thứ sắt ấy được luyện bằng từ thạch, tức là dựa trên cái lý “từ thạch dẫn châm”. Việc này tuy hoang đường nhưng cũng tỏ rõ mảnh khoe của bọn Phiến quý (chỉ người phương Tây)” [13, tr.686]. Dù đã có điều kiện để mở mang hiểu biết qua các chuyến xuất dương nhưng có đôi chỗ Lý Văn Phúc vẫn tỏ ý khinh miệt những kiến thức mới, coi đó là “mảnh khoe” của người Tây phương.

Nguyên nhân sâu sa của hiện tượng trên là bởi quan niệm Hoa - Di đã ăn sâu vào tâm trí của giới sĩ phu nước nhà. Thêm vào đó là “tâm lý phản vệ” xuất phát từ nỗi lo sợ bị phủ định, các sĩ phu Việt Nam đã không tránh khỏi việc phê phán, chỉ trích lối sống cũng như các phong tục, tập quán của người Tây phương từ góc nhìn của đạo đức Nho giáo. Lý Văn Phúc trong *Tây hành kiến văn ký lược* đã phê phán người phương Tây là “thường giáo quyệt, thích lừa dối”, “ngạo mạn, vô lễ”, “vung tiền kiêu ngạo”, “đam mê phong lưu, nông nổi phóng đảng, không kiểm thúc”, “hám lợi vô tình” [11, tr.230-231]. Phan Huy Chú trong *Hải trình chí lược* đã nhận xét: “Tập quán phương Tây, lễ tục giản dị, không chuộng đẳng cấp, quyền uy... Người dưới yết kiến người trên không có lễ sụp lạy khấu đầu. Nghe nói vua nước ấy cũng rất giản dị, mỗi khi đi xe ra ngoài, mà thấy có người chấp tay kính cẩn, liền dừng xe để đáp lại. Bản thân là bậc quân trưởng mà đi cùng với kẻ thất phu, chứ không biết đến lễ giáo điển chương của Chu Khổng, nên tuy họ tài khéo trăm thứ, cuối cùng vẫn bị liệt vào hàng Man Di vậy” [7, tr.167]. Từ việc phê phán, chỉ trích lối sống, phong tục, tập quán của người phương Tây, những sĩ phu kể trên đã tỏ ra thận trọng, cảnh giác trong việc đón nhận những tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây.

Với những sĩ phu có điều kiện ra nước ngoài để mở mang hiểu biết còn như vậy thì những sĩ phu trong nước còn tỏ thái độ cực đoan hơn khi tiếp xúc với những tri thức phương Tây. Phương Đình Nguyễn Văn Siêu trong tác phẩm *Chư gia Thiên Chúa giáo bị khảo* đã đưa ra kiến nghị: “Kính nay Hoàng thượng thẳng tay ức chế Phật giáo, ngăn dứt Dương giáo (tức Thiên Chúa giáo) vì cái thuyết hư vô của họ sinh tệ mà thành ra cô tức (nhu nhược), cái thuật kỹ xảo (kỹ thuật phương Tây) của họ sinh tệ mà thành cơ trí” [14, tr.75].

Dùng kiến thức, thế giới quan của “Nho giáo” để đánh giá, xem các tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây chỉ là trò trí trá, gian xảo không phải chỉ có các quan lại mà ngay các vua Nguyễn cũng mắc phải. Tháng 8/1844, Đào Trí Phú dâng lên vua Thiệu Trị cái lồng vàng trong có con chim giả nuôi con chim non, và khẩu súng nhỏ có máy cấp vào nách. Vua nói rằng: “Máy móc của người phương Tây khéo thì khéo thực, nhưng khéo nhiều lại khó nhọc nhiều, chẳng qua là một đồ chơi đó thôi. Nay những đồ chơi làm mất chí người, dâm xảo làm đàng lòng người, người đời xưa vẫn răn ở chỗ đó. Có lấy làm gì, rồi sai trả về” [15, tr.635].

Bài xích đến cực đoan những tri thức khoa học, kỹ thuật phương Tây là thái độ chung của đồng bào giới sĩ phu triều Nguyễn. Trường hợp của Vũ Phạm Khải là một ví dụ tiêu biểu. Đầu năm Thiệu Trị 1841, khi đế quốc phương Tây vừa gây chiến tranh Nha phiến với Trung Quốc (1839) buộc nhà Thanh phải mở cửa thì danh nho Vũ Phạm Khải đã viết bài sớ có tên “Biện hoặc luận”, phản đối việc tiếp nhận, học tập kỹ thuật của người phương Tây, chống lại sự tiếp xúc văn hóa với họ. Bài sớ của Vũ Phạm Khải được viết dưới dạng câu chuyện đối thoại của tác giả với “một phái viên vừa đi Tây trở về (ở đây là Trần Tú Đình)”. Bài sớ có đoạn (Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, 1998): “Chưa có Tây, nước ta có thiệt thòi gì? Có Tây rồi, nước ta có lợi gì? Không khen cái khéo của ta, lại khen cái xảo của Tây, há chẳng phải là bắt cái hình con cá, đuổi cái bóng con thỏ ư?... Hiếm độc thay cái sự xảo ấy của Tây không ở vật dùng mà ở tâm địa... Tây thường đem những thứ vô dụng để đổi lấy Ma Cao, đổi lấy Đài Loan đấy. Hàng của họ đến đâu là người của họ đến đấy, há không đáng lo sao?” [16, tr.373]. Trong bài sớ, ông còn lên án và chống lại việc tiếp nhận những thành tựu của nền khoa học kỹ thuật phương Tây: “Người khách từ Tây Dương trở về kể lại các máy móc tinh xảo của người Tây dương và ca ngợi hết lời cho rằng nước ta chưa hề có những thứ đó. Người ngồi nghe đều tấm tắc. Riêng ta không nói gì mà ngoảnh mặt đi nơi khác” [16, tr.374]. Với nhận thức của phân đồng giới sĩ phu nước nhà lúc bấy giờ, sự du nhập của những tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây sẽ đưa đến sự băng hoại đối với nền văn hóa truyền thống của dân tộc. Theo tư duy của họ, chỉ có thời Nghiêu Thuấn là phát triển, là văn minh, coi xưa hơn nay, chỉ cho mình là chính đạo, văn minh. Họ coi Khổng Tử là thầy tiêu biểu của muôn đời, các giáo lý của đạo Nho và các phát minh từ thời thượng cổ là chân lý cuối cùng, còn khoa học kỹ thuật của phương Tây chỉ là trò “dâm xảo”, chỉ làm tổn hại cho đạo đức xã hội và con người. Chính những điều đó đã ru ngủ các sĩ phu trong một thời gian dài, không thể có sự được sự đột

phá trong nhận thức. Đến thời Tự Đức, khi bắt đầu chạm chán và nhận lấy những hậu quả đầu tiên trước sức mạnh của nền văn minh và vũ lực phương Tây nhưng phần lớn các sĩ phu vẫn tỏ ra bảo thủ và bài xích những tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây: “Cận đại nhiều người suy tôn phương pháp của thái Tây, có phải là vì kiến thức chân xác, vượt lên trên cổ nhân, hay cũng như những người nói theo, về hòa mà thôi? Theo cách lập thuyết của họ (phương Tây) thì không có âm dương, ngũ hành, tương sinh tương khắc... như thế cái học của họ đã trái lý và không hợp với cổ nhân rồi, còn lấy gì mà suy tôn họ nữa” [17, tr.45].

Nhìn chung, dù nước Việt Nam giai đoạn từ thế kỷ XVII - đến nửa đầu thế kỷ XIX đã áp dụng nhiều tri thức khoa học kỹ thuật của Tây phương nhưng giới sĩ phu nước nhà chẳng ưa gì nơi xuất xứ của những tri thức này. Điều đó đã dẫn đến một thái độ tiếp thu “nửa vời”, vướng phải một mâu thuẫn không thể vượt qua đó là làm sao Việt Nam có thể thực sự tiếp nhận và làm chủ được các tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây khi không chịu bỏ công tìm hiểu các nguyên tắc nền tảng đã giúp tạo ra các kỹ thuật đó (tức các nguyên lý của khoa học Tây phương). Hoạt động tiếp nhận các tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây vì thế mà gặp nhiều trở ngại và dẫn bị ngưng trệ.

## KẾT LUẬN

Khi được tiếp xúc với phương Tây, giới phong kiến cầm quyền và một bộ phận sĩ phu Việt Nam giai đoạn đầu thế kỷ XVII - nửa đầu thế kỷ XIX đã thể hiện sự chủ động và tinh thần cầu tiến trong việc tìm hiểu về những tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây dù cho mức độ và tính chất của điều đó có sự khác biệt giữa từng chính quyền phong kiến cũng như giới sĩ phu trong từng thời điểm lịch sử cụ thể.

Tuy nhiên, trong nhận thức, thái độ, đường lối và các biện pháp mà họ tiến hành lại tồn đọng rất nhiều những mâu thuẫn, thiếu sót, thậm chí là sai lầm. Cách họ tiếp cận với những tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây thường thông qua hình thức mỳ mọ gián tiếp nên lượng kiến thức họ tiếp nhận được là ít ỏi, lại thường chậm hơn so với kho tàng tri thức đã vô cùng phong phú và đồ sộ của châu Âu. Hiệu quả thu được cũng vì thế mà khá hạn chế. Quá trình này lại chịu sự tác động và chi phối sâu sắc bởi những định kiến của đạo đức, lễ tiết Nho giáo đối với phương Tây. Phần đông giới sĩ phu nước nhà vẫn chưa thể vượt qua được khuôn khổ “thế giới quan” Nho giáo để có cái nhìn rộng lượng hơn về phương Tây. Chính vì vậy, họ thường dùng kiến thức, thế giới quan của “Nho giáo” để luận bàn, đánh giá về những tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây. Điều đó đã khiến họ tự giam mình

trong học thuyết Nho giáo cũ kỹ đang càng lạc hậu trước thời cuộc và tất cả những điều đó tạo nên một sức ỳ khủng khiếp cho dân tộc Việt Nam. Hệ quả đưa đến là những những nhận định lệch lạc và hiểu lầm tai hại, ngăn cản sự đại hóa đất nước một cách thực sự. Vậy nên, dù đã tiếp thu và áp dụng một số tri thức khoa học kỹ thuật phương Tây nhưng điều đó chỉ mang tính chất “nửa vời”, không giúp hình thành nên một trào lưu “Tây hóa”, làm xuất hiện một cuộc “cách mạng” trên lĩnh vực khoa học kỹ thuật ở Việt Nam thời bấy giờ.

## XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Tác giả xin cam đoan không hề có xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo này.

## ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả thực hiện toàn bộ nghiên cứu trong bài báo. Bài viết thể hiện một góc nhìn về lối tiếp cận và ứng xử với nền khoa học kỹ thuật phương Tây của tầng lớp trí thức trong xã hội phong kiến thông qua việc phân tích các trước tác mà họ để lại. Từ đó, bài viết góp thêm một khía cạnh để lý giải tại sao nước Việt Nam thời trung đại lại không thể tiếp biến và làm chủ thành công những tri thức của nền khoa học kỹ thuật phương Tây dù đã có điều kiện để tiếp xúc và làm quen với chúng, để rồi sau đó phải nhận lấy những hậu quả nặng nề.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông PH. Những đóng góp của đạo công giáo với văn hóa Việt. [online]. 2010 [cited 2010 July 2]; Available from: <http://ubdkcgvn.org.vn/vi/van-hoa-nghe-thuat/2010/07/81E201FA/nhung-dong-gop-cua-dao-cong-giao-voi-van-hoa-viet/>.
2. Đôn LQ. Văn đài luận ngữ. Hà Nội: Văn hóa thông tin; 2006.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục, tập 5. Hà Nội: Giáo dục; 2007.
4. Ngân NT. Khảo sát bài Tựa sách Tây hành kiến văn ký lược. In trong Viện nghiên cứu Hán Nôm. Thông báo Hán Nôm học năm 2008. Hà Nội: Viện Nghiên cứu Hán Nôm xuất bản; 2009.
5. Na ND. Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại. Tập 2 (ký). Hà Nội: Giáo dục; 2001.
6. Lê PH. Phan Huy Chú và những cảm nhận về văn minh phương Tây qua hồi ký năm 1833. In trong Phan Huy Lê. Di sản văn hóa Việt Nam dưới góc nhìn lịch sử. Hà Nội: Đại học Quốc gia; 2018.
7. Chú PH. Hải trình chí lược - Récit sommaire d'un voyage en mer (1833) (Phan Huy Lê - Claudine Salmon - Tạ Trọng Hiệp dịch, giới thiệu). Paris: Association Archipel; 1994.
8. Khiêu V. Danh nhân Thăng Long - Hà Nội. Hà Nội: Hà Nội; 2010.
9. Quát CB. Hồng Mao hoà thuyên ca (bản dịch của dịch giả Hoàng Tạo). [online]. 2014 [cited 2014 Aug 4]; Available from: <https://www.thivien.net/Cao-B%3%A1-Qu%3%A1/H%3%A1/E1%BB%93ng-Mao-ho%3%A1-thuy%3%A1-BB%81n-ca/poem-IYtTH2VHVvWxKJpemjz3fg>.
10. Tinh NT. Cái nhìn tiến bộ trong thơ chữ Hán của Cao Bá Quát. Tạp Chí Khoa Học Xã Hội Việt Nam 2015; 8(93);
11. Ích Nguyễn T. Thuật bàn về tư liệu sách chữ Hán ở Việt Nam. Hà Nội: Khoa học xã hội; 2013.

12. Quốc sử quán triều Nguyễn. Minh Mệnh chính yếu. Huế: Thuận Hóa; 2009;.
13. Thâu C. Mấy nhận xét về nho giáo thời Nguyễn. In trong Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. Kỷ yếu hội thảo khoa học Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX. Hà Nội: Thế giới; 2009;.
14. Thâu C. Góp phần tìm hiểu Nho giáo, Nho sỹ, trí thức Việt Nam trước năm 1945. Hà Nội: Văn hóa thông tin; 2007;.
15. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục, tập 6. Hà Nội: Giáo Dục; 2007;.
16. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Trung tâm UNESCO Tư liệu Lịch sử Văn hóa Việt Nam. Vũ Phạm Khải - Danh nhân văn khóa, văn thân yêu nước chủ chiến thế kỷ XIX. Hà Nội: Văn hóa Thông tin; 1998;.
17. Khiêu V. Nho giáo và phát triển ở Việt Nam. Hà Nội: Khoa học Xã hội; 1997;.



# The attitude of Vietnamese feudal intellectual class towards scientific and technological western knowledge from the 17<sup>th</sup> century to the first half of the 19<sup>th</sup> century

Nguyen Trong Minh\*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

## ABSTRACT

During the period from the 17<sup>th</sup> century to the first half of the 19<sup>th</sup> century, Vietnam and Western countries exchanged knowledge and interacted with each other in many different fields, which is considered the first Western and Oriental cultural exchanges by scholars. These cultural exchanges with Western intellectuals facilitated easy entry of scientific and technological Western knowledge into Vietnam. In fact, Vietnamese feudal intellectual class gained easy access to scientific and technological Western knowledge. What were the attitude and actions of Vietnamese feudal intellectual class towards scientific and technological Western knowledge? What did the consequences result from their perceptions and actions towards scientific and technological Western knowledge? Through the answers to these questions, by historical and logical methods and the method of collecting, comparing the writings of the Vietnamese feudal intellectual class on Western, the article contributes another perspective to learn about the attitudes of the Vietnamese scholar class towards the Western science and technology. Therefore, finding out about this point will help us understand and clarify many issues in a more evident way, including the question why Vietnam couldn't acculturate and gain ownership of Western knowledge in a successive way in order to develop and protect the country, thus, suffering from severe consequences.

**Key words:** Attitude, Vietnamese, Science and Technology, Western

War Remnants Museum, Ho Chi Minh city, Vietnam

## Correspondence

**Nguyen Trong Minh**, War Remnants Museum, Ho Chi Minh city, Vietnam  
Email: trongminhussh@gmail.com

## History

- Received: 27/9/2020
- Accepted: 15/7/2021
- Published: 16/8/2021

DOI : 10.32508/stdjssh.v5i3.694



## Copyright

© VNU-HCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



**Cite this article :** Minh N T. The attitude of Vietnamese feudal intellectual class towards scientific and technological western knowledge from the 17<sup>th</sup> century to the first half of the 19<sup>th</sup> century. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.*, 5(3):1130-1138.